

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023

I. THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Mã trường: XDA

2. Phương thức, mã phương thức xét tuyển:

Stt	Phương thức xét tuyển (PTXT)	Mã PTXT	Tên viết tắt của PTXT
1	Xét tuyển sử dụng kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023; kết hợp kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật do Trường Đại học Xây dựng Hà Nội tổ chức (đối với nhóm ngành Kiến trúc và Quy hoạch)	100	THPT; THPT+NK
2	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	200	HB
3	Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi Đánh giá tư duy (ĐGTD) năm 2023 do Đại học Bách khoa Hà Nội chủ trì tổ chức	402	ĐGTD
4	Xét tuyển kết hợp	409	XTKH
5	Ưu tiên xét tuyển	500	UTXT
6	Tuyển thẳng	301	TT

3. Ngành/chuyên ngành, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển theo từng phương thức xét tuyển:

Stt	Mã tuyển sinh	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
1	7580101	Kiến trúc	100	270	V00, V02, V10
			409	20	X06, X07
			500	5	V00, V02, V10
			301	5	
2	7580101_02	Kiến trúc/ Kiến trúc công nghệ (*)	100	47	V00, V02
			409	1	X06
			500	1	V00, V02
			301	1	
3	7580103	Kiến trúc Nội thất (*)	100	85	V00, V02
			409	10	X06
			500	3	V00, V02
			301	2	

Stt	Mã tuyển sinh	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
4	7580102	Kiến trúc cảnh quan (*)	100	47	V00, V02, V06
			409	1	X06
			500	1	V00, V02, V06
			301	1	
5	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	100	47	V00, V01, V02
			409	1	X06
			500	1	V00, V01, V02
			301	1	
6	7580201	Kỹ thuật xây dựng (*)	100	120	A00, A01, D01, D07
			200	60	A00, A01, D01, D07
			402	17	K00
			409	1	X01, X03, X05
			500	1	A00, A01, D01, D07
			301	1	
7	7580201_01	Kỹ thuật xây dựng/ Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	100	600	A00, A01, D07, D24, D29
			402	115	K00
			409	25	X01, X02, X03, X04
			500	5	A00, A01, D07, D24, D29
			301	5	
8	7580201_02	Kỹ thuật xây dựng/ Hệ thống kỹ thuật trong công trình (*)	100	90	A00, A01, D07
			200	45	A00, A01, D07
			402	12	K00
			409	1	X01, X03
			500	1	A00, A01, D07
			301	1	
9	7580201_03	Kỹ thuật xây dựng/ Tin học xây dựng	100	90	A00, A01, D01, D07
			200	45	A00, A01, D01, D07
			402	12	K00
			409	1	X01, X03, X05
			500	1	A00, A01, D01, D07
			301	1	
10	7580205_01	Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông/ Xây dựng Cầu đường	100	90	A00, A01, D01, D07
			200	45	A00, A01, D01, D07
			402	12	K00
			409	1	X01, X03, X05
			500	1	A00, A01, D01, D07
			301	1	
11	7580213_01	Kỹ thuật Cấp thoát nước/ Kỹ thuật nước - Môi trường nước (*)	100	48	A00, A01, B00, D07
			200	24	A00, A01, B00, D07
			402	5	K00
			409	1	X01, X03
			500	1	A00, A01, B00, D07
			301	1	

Stt	Mã tuyển sinh	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
12	7520320	Kỹ thuật Môi trường (*)	100	30	A00, A01, B00, D07
			200	15	A00, A01, B00, D07
			402	2	K00
			409	1	X01, X03
			500	1	A00, A01, B00, D07
			301	1	
13	7520309	Kỹ thuật vật liệu (*)	100	30	A00, A01, B00, D07
			200	15	A00, A01, B00, D07
			402	2	K00
			409	1	X01, X03
			500	1	A00, A01, B00, D07
			301	1	
14	7510105	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	100	30	A00, A01, B00, D07
			200	15	A00, A01, B00, D07
			402	2	K00
			409	1	X01, X03
			500	1	A00, A01, B00, D07
			301	1	
15	7480201	Công nghệ thông tin	100	216	A00, A01, D01, D07
			402	28	K00
			409	20	X01, X03, X05
			500	5	A00, A01, D01, D07
			301	1	
16	7480101	Khoa học Máy tính (*)	100	96	A00, A01, D01, D07
			402	15	K00
			409	7	X01, X03, X05
			500	1	A00, A01, D01, D07
			301	1	
17	7520103	Kỹ thuật cơ khí (*)	100	60	A00, A01, D07
			200	30	A00, A01, D07
			402	7	K00
			409	1	X01, X03
			500	1	A00, A01, D07
			301	1	
18	7520103_01	Kỹ thuật cơ khí/ Máy xây dựng	100	30	A00, A01, D07
			200	15	A00, A01, D07
			402	2	K00
			409	1	X01, X03
			500	1	A00, A01, D07
			301	1	

Stt	Mã tuyển sinh	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
19	7520103_03	Kỹ thuật cơ khí/ Kỹ thuật cơ điện (*)	100	48	A00, A01, D07
			200	24	A00, A01, D07
			402	5	K00
			409	1	X01, X03
			500	1	A00, A01, D07
			301	1	
30	7520103_04	Kỹ thuật cơ khí/ Kỹ thuật ô tô (*)	100	60	A00, A01, D07
			200	30	A00, A01, D07
			402	7	K00
			409	1	X01, X03
			500	1	A00, A01, D07
			301	1	
21	7520201	Kỹ thuật điện (*)	100	30	A00, A01, D07
			200	15	A00, A01, D07
			402	2	K00
			409	1	X01, X03
			500	1	A00, A01, D07
			301	1	
22	7580301	Kinh tế xây dựng	100	360	A00, A01, D01, D07
			402	65	K00
			409	20	X01, X03, X05
			500	4	A00, A01, D01, D07
			301	1	
23	7580302_01	Quản lý xây dựng/ Kinh tế và quản lý đô thị	100	80	A00, A01, D01, D07
			402	15	K00
			409	3	X01, X03, X05
			500	1	A00, A01, D01, D07
			301	1	
24	7580302_02	Quản lý xây dựng/ Kinh tế và quản lý bất động sản	100	80	A00, A01, D01, D07
			402	15	K00
			409	3	X01, X03, X05
			500	1	A00, A01, D01, D07
			301	1	
25	7580302_03	Quản lý xây dựng/ Quản lý hạ tầng, đất đai đô thị	100	60	A00, A01, D01, D07
			200	30	A00, A01, D01, D07
			402	7	K00
			409	1	X01, X03, X05
			500	1	A00, A01, D01, D07
			301	1	
26	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	100	120	A00, A01, D01, D07
			402	15	K00
			409	10	X01, X03, X05
			500	4	A00, A01, D01, D07
			301	1	

Stt	Mã tuyển sinh	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
27	7580201_QT	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình đào tạo liên kết với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ)	100	15	A00, A01, D01, D07
			200	6	A00, A01, D01, D07
			402	1	K00
			409	1	X01, X03, X05
			500	1	A00, A01, D01, D07
			301	1	
28	7480101_QT	Khoa học máy tính (Chương trình đào tạo liên kết với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ)	100	15	A00, A01, D01, D07
			200	6	A00, A01, D01, D07
			402	1	K00
			409	1	X01, X03, X05
			500	1	A00, A01, D01, D07
			301	1	

Chú thích:

- (*): Các ngành, chuyên ngành đào tạo tiếp cận CDIO (Link giới thiệu các chương trình đào tạo tiếp cận CDIO: <https://tuyensinh.huce.edu.vn/gioi-thieu-cac-chuong-trinh-dao-tao-tiep-can-cdio-tai-truong-dai-hoc-xay-dung>);

- Mã tổ hợp và tổ hợp môn xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ); kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật (nếu xét tổ hợp có môn Vẽ Mỹ thuật):

Stt	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lý, Hoá học
2	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
3	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
4	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
5	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
6	D24	Toán, Hóa học, Tiếng Pháp
7	D29	Toán, Vật lý, Tiếng Pháp
8	V00	Toán, Vật lý, VẼ MỸ THUẬT
9	V01	Toán, Ngữ văn, VẼ MỸ THUẬT
10	V02	Toán, Tiếng Anh, VẼ MỸ THUẬT
11	V06	Toán, Địa lý, VẼ MỸ THUẬT
12	V10	Toán, Tiếng Pháp, VẼ MỸ THUẬT

Ghi chú: Môn VẼ MỸ THUẬT là môn thi chính.

- Mã tổ hợp và tổ hợp xét tuyển Kỳ thi ĐGTD:

Stt	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	K00	Tư duy Toán học, Tư duy đọc hiểu, Tư duy khoa học/Giải quyết vấn đề

- Mã tổ hợp và tổ hợp môn xét tuyển với phương thức xét tuyển kết hợp:

+ Với các chứng chỉ tiếng Anh: CCTA

+ Với các chứng chỉ tiếng Pháp: CCTP

Stt	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	X01	Toán, Vật lý, CCTA
2	X02	Toán, Vật lý, CCTP
3	X03	Toán, Hóa học, CCTA
4	X04	Toán, Hóa học, CCTP
5	X05	Toán, Ngữ văn, CCTA
6	X06	Toán, Văn Mỹ thuật, CCTA
7	X07	Toán, Văn Mỹ thuật, CCTP

II. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN VÀ TỔ CHỨC TUYỂN SINH:

1. Phương thức 1:

1.1. Căn cứ xét tuyển:

Xét tuyển sử dụng kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 với tất cả các ngành, chuyên ngành. Các tổ hợp có môn Văn Mỹ thuật kết hợp với kết quả thi môn Văn Mỹ thuật của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (Trường), trong đó môn Văn Mỹ thuật là môn thi chính, nhân hệ số 2;

1.2. Ngưỡng đầu vào:

Trường sẽ thông báo theo quy định của Bộ GDĐT.

1.3. Công thức tính điểm xét tuyển:

- Đối với tổ hợp môn xét tuyển có môn thi nhân hệ số 2 (các tổ hợp có xét tuyển môn Văn Mỹ thuật):

$$\text{ĐX} = \frac{\text{Môn 1} + \text{Môn 2} + (\text{Môn 3} \times 2)}{4} \times 3 + \text{ĐUT (nếu có)}$$

- Đối với tổ hợp môn xét tuyển còn lại

$$\text{ĐX} = (\text{Môn 1} + \text{Môn 2} + \text{Môn 3}) + \text{ĐUT (nếu có)}$$

Trong đó: ĐUT: Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành).

1.4. Kế hoạch đăng ký xét tuyển:

Thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (Hệ thống) của Bộ GDĐT từ ngày 10/7 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2023.

2. Phương thức 2:

2.1. Căn cứ xét tuyển:

Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) dựa vào tổng điểm trung bình năm lớp 10, năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 các môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng (áp dụng chung cho cả thí sinh đã tốt nghiệp trước tháng 03/2023) ở một số ngành/chuyên ngành;

2.2. Điều kiện đăng ký xét tuyển:

Tổng điểm trung bình cộng năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 các môn trong tổ hợp xét tuyển phải $\geq 18,0$ điểm, trong đó không có điểm trung bình cộng môn nào dưới 5,50 điểm.

2.3. Công thức tính điểm xét tuyển:

$$\text{ĐX} = (\text{M1} + \text{M2} + \text{M3}) + \text{ĐƯT} \text{ (nếu có)}$$

Trong đó:

- M1 = (TB cả năm lớp 10 môn 1 + TB cả năm lớp 11 môn 1 + TB kỳ 1 lớp 12 môn 1)/3;

- M2 = (TB cả năm lớp 10 môn 2 + TB cả năm lớp 11 môn 2 + TB kỳ 1 lớp 12 môn 2)/3;

- M3 = (TB cả năm lớp 10 môn 3 + TB cả năm lớp 11 môn 3 + TB kỳ 1 lớp 12 môn 3)/3;

- ĐƯT: Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành).

2.4. Kế hoạch đăng ký xét tuyển:

Thí sinh thực hiện việc đăng ký xét tuyển trên cả 2 Hệ thống đăng ký của Trường và Hệ thống của Bộ GDĐT, địa chỉ và thời gian đăng ký cụ thể như sau:

- Bước 1: Đăng ký trên hệ thống của Trường :

+ Đăng ký trực tuyến qua Cổng Thông tin điện tử: <https://xthb.huce.edu.vn>

+ Thời gian: Từ ngày 02/5 đến 24 giờ 00 ngày 15/6/2023.

- Bước 2: Đăng ký trên Hệ thống của Bộ GDĐT:

+ Đăng ký trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

+ Thời gian: Từ ngày 10/7 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2023.

3. Phương thức 3:

3.1. Căn cứ xét tuyển:

Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi ĐGTD năm 2023 do Đại học Bách khoa Hà Nội chủ trì tổ chức ở các ngành/chuyên ngành trừ nhóm ngành Kiến trúc và Quy hoạch;

3.2. Điều kiện đăng ký xét tuyển:

Trường sẽ thông báo theo kế hoạch kỳ thi.

3.3. Công thức tính điểm xét tuyển:

$$\text{ĐX} = (\text{Tổng điểm bài thi ĐGTD}/100) \times 30 + \text{ĐƯT} \text{ (nếu có)}$$

Trong đó:

- Tổng điểm bài thi ĐGTD = Tổng điểm bài thi 3 môn (Tư duy Toán học, Tư duy đọc hiểu, Tư duy khoa học/Giải quyết vấn đề)

- ĐƯT: Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành).

3.4. Kế hoạch đăng ký xét tuyển:

Thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến theo thông báo của ĐHBKHN và đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống của Bộ GDĐT từ ngày 10/7 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2023;

4. Phương thức 4:

4.1. Đối tượng xét tuyển:

Thí sinh có chứng chỉ quốc tế Tiếng Anh (Tiếng Pháp) tương đương IELTS 5.0 trở lên, hoặc có kết quả trong kỳ thi SAT đạt từ 1100/1600, hoặc ACT đạt từ 22/36. Các chứng chỉ còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển.

4.2. Điều kiện đăng ký xét tuyển:

Có tổng điểm 02 môn thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 thuộc tổ hợp xét tuyển đạt $\geq 12,0$ điểm, trong đó có môn Toán và 01 môn khác không phải ngoại ngữ. Với các tổ hợp có môn Văn Mỹ thuật, tổng điểm môn Toán của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và điểm môn Văn Mỹ thuật của Trường năm 2023 đạt $\geq 12,0$ điểm.

4.3. Công thức tính điểm xét tuyển:

$$ĐX = (M1 + M2 + M3) + ĐƯT \text{ (nếu có)}$$

Trong đó:

- M1: Điểm quy đổi chứng chỉ: 10 điểm nếu thí sinh có một trong các chứng chỉ quốc tế nói trên;
- M2, M3: Là điểm 02 môn thi của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 thuộc tổ hợp xét tuyển, trong đó có môn Toán và 01 môn khác không phải ngoại ngữ. Với các tổ hợp có môn Văn Mỹ thuật là điểm môn Toán của Kỳ thi tốt nghiệp THPT và điểm môn Văn Mỹ thuật của Trường năm 2023.
- ĐƯT: Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành).

4.4. Kế hoạch đăng ký xét tuyển:

Thí sinh thực hiện việc đăng ký xét tuyển trên cả 2 Hệ thống đăng ký của Trường và Hệ thống của Bộ GDĐT, địa chỉ và thời gian đăng ký cụ thể như sau:

- Bước 1: Đăng ký trên hệ thống của Trường
 - + Đăng ký trực tuyến qua Cổng Thông tin điện tử <https://xtkh.huce.edu.vn>;
 - + Thời gian: Từ ngày 25/4 đến 17 giờ 00 ngày 30/6/2023.
- Bước 2: Đăng ký trên Hệ thống của Bộ GDĐT
 - + Đăng ký trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT;
 - + Thời gian: Từ ngày 10/7 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2023.

5. Phương thức 5: Tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển

5.1. Tuyển thẳng:

5.1.1. Đối tượng và điều kiện trúng tuyển:

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành/chuyên ngành do Hiệu trưởng quyết định;

b) Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi cấp quốc gia hoặc quốc tế do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp), cụ thể:

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia được tuyển thẳng vào ngành/ chuyên ngành phù hợp với môn đoạt giải như sau:

Stt	Môn thi	Ngành/ Chuyên ngành tuyển thẳng
1	Toán học, Vật lý	Tất cả các ngành, chuyên ngành
2	Hóa học	Các ngành, chuyên ngành (trừ các ngành và chuyên ngành thuộc nhóm ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị)
3	Tin học	Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính
4	Sinh học	Kỹ thuật Cấp thoát nước, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật vật liệu, Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng.

Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia được xét tuyển thẳng vào ngành/chuyên ngành phù hợp với nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

- Thí sinh đoạt giải chính thức trong cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận thì được xét tuyển thẳng vào học nhóm ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị tùy vào môn thi hoặc nội dung đề tài đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

c) Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây:

- Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành/chuyên ngành nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều kiện về học lực: xếp loại học lực các năm lớp 10, 11, 12 đạt loại Giỏi và tốt

ng nghiệp THPT năm 2023.

Sau khi trúng tuyển, thí sinh phải học bổ sung kiến thức 01 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình học bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quy định.

- Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

d) Thí sinh là học sinh của các trường Dự bị đại học thực hiện theo Quy chế của Bộ GDĐT.

Ghi chú: Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển thẳng vào các ngành/chuyên ngành có xét tuyển môn Văn phải tham gia dự thi môn Văn do Trường tổ chức và đạt từ 6,0 điểm trở lên.

5.1.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng:

a) Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng tại các điểm a, b gồm:

- Ảnh thẻ 4x6 (mới chụp trong vòng 3 tháng);

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (*Phụ lục 1*);

- Bản sao Căn cước công dân (hoặc Chứng minh thư nhân dân);

- Bản sao của ít nhất một trong các tài liệu: Chứng nhận là thành viên được Bộ GDĐT cử tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế hoặc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế; Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi (HSG) quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật và giấy chứng nhận các đối tượng tuyển thẳng khác.

b) Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng tại điểm c gồm:

- Ảnh thẻ 4x6 (mới chụp trong vòng 3 tháng);

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (*Phụ lục 2*);

- Bản sao học bạ 3 năm học THPT;

- Bản sao Giấy khai sinh;

- Bản sao Căn cước công dân (hoặc Chứng minh thư nhân dân);

- Đối với thí sinh khuyết tật nặng: Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền, Giấy chứng nhận sức khỏe của bệnh viện cấp quận, huyện trở lên và Giấy cam kết của thí sinh, gia đình chịu trách nhiệm về sức khỏe của thí sinh trong quá trình học tập;

c) Đối với thí sinh người nước ngoài, hồ sơ gồm:

- Ảnh thẻ 4*6 (mới chụp trong vòng 3 tháng);

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (*Phụ lục 3*);

- Bản sao bằng tốt nghiệp và học bạ 3 năm học THPT hoặc tương đương (Bản sao hợp pháp bằng tiếng Việt);

- Sơ yếu lý lịch bằng tiếng Việt (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền);

- Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt theo quy định của Bộ GDĐT;
- Bản sao Hộ chiếu.

d) Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng tại điểm d: Thực hiện theo hướng dẫn của các Trường Dự bị đại học.

5.1.3. Hình thức, thời gian và địa điểm nộp hồ sơ:

a) Hình thức nộp hồ sơ:

Nộp trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường Bưu điện bằng chuyển phát nhanh.

b) Thời gian nhận hồ sơ:

Từ ngày 25/4 đến ngày 30/6/2023 (trong giờ hành chính)

5.1.4. Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả

- Trước 17 giờ 00 ngày 15/7/2023 Trường tổ chức xét tuyển thẳng theo quy định, thông báo kết quả cho thí sinh. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển diện xét tuyển thẳng lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung;

- Từ ngày 15/7 đến 17 giờ 00 ngày 15/8/2023 thí sinh xác nhận nhập học trên Hệ thống của Bộ GDĐT. Những thí sinh đã xác nhận nhập học trên Hệ thống của Bộ GDĐT sẽ không đăng ký nguyện vọng xét tuyển tiếp theo nữa.

5.2. Ưu tiên xét tuyển:

5.2.1. Đối tượng và điều kiện xét tuyển (được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp):

a) Đối tượng xét tuyển:

- Thí sinh quy định tại điểm a, b mục 5.1.1 nhưng không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào các ngành theo nguyện vọng;

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được ưu tiên xét tuyển theo ngành/chuyên ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

- Thí sinh đoạt các giải nhất, nhì, ba các môn thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các môn đoạt giải gồm: Toán (Tin học), Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Tiếng Anh (Tiếng Pháp), Địa lý được ưu tiên xét tuyển theo ngành/chuyên ngành phù hợp với môn đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

- Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật được ưu tiên xét tuyển vào nhóm ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

b) *Điều kiện trúng tuyển:*

Tổng điểm 3 môn thi của Kỳ thi tốt nghiệp THPT và Kỳ thi môn Văn Mỹ thuật năm 2023 (với nhóm ngành Kiến trúc và Quy hoạch) theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Trường.

5.2.2. Hình thức, thời gian đăng ký xét tuyển:

Thí sinh thực hiện việc đăng ký xét tuyển trên cả 2 Hệ thống đăng ký của Trường và Hệ thống của Bộ GDĐT, địa chỉ và thời gian đăng ký cụ thể như sau:

- Bước 1: Đăng ký trên hệ thống của Trường
- + Đăng ký trực tuyến qua Cổng Thông tin điện tử: <https://utxt.huce.edu.vn>
- + Thời gian: Từ ngày 25/4 đến 17 giờ 00 ngày 30/6/2023.
- Bước 2: Đăng ký trên Hệ thống của Bộ GDĐT
- + Đăng ký trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT;
- + Thời gian: Từ ngày 10/7 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2023.

III. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH VÀ LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

1. Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất;

- Không sử dụng tiêu chí phụ trong xét tuyển;

- Thí sinh được xét tuyển bình đẳng vào một ngành/chuyên ngành theo kết quả thi/kết quả học tập cấp THPT, không phân biệt tổ hợp môn xét tuyển và thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

- Chỉ tiêu xét tuyển theo từng phương thức có thể thay đổi căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký và điểm xét tuyển của thí sinh;

- Trường không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ; không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi THPT quốc gia, kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi ĐGTD, kỳ thi môn Văn Mỹ thuật các năm trước để tuyển sinh.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

2. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh:

Được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

3. Lệ phí đăng ký xét tuyển:

3.1. Đăng ký xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GDĐT:

Thí sinh nộp lệ phí theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3.2. Với các phương thức đăng ký xét tuyển trên Hệ thống của Trường:

- Lệ phí xét tuyển: 50.000đ/hồ sơ/phương thức

- Hình thức: Chuyển khoản về Trường theo thông tin tài khoản như sau:

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

Số tài khoản: 111000094184 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hai Bà Trưng

Khi nộp tiền thí sinh cần ghi rõ họ tên, số Căn cước công dân (hoặc Chứng minh thư nhân dân), nội dung nộp tiền.

Ví dụ: Thí sinh đăng ký theo phương thức xét tuyển kết hợp:

(**Nguyễn Văn A, 001202xxxxxx, ĐK XTKH năm 2023**)

Hoặc: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

(**Nguyễn Văn A, 001202xxxxxx, ĐK XTHB năm 2023**)

IV. THÔNG TIN CHUNG

1. Mô hình, chương trình đào tạo và cấp bằng:

Từ khóa tuyển sinh năm 2020, các chương trình đào tạo của Trường được thiết kế theo 3 mô hình như sau:

a) Chương trình Cử nhân Kỹ thuật/Kiến trúc (4 năm), người tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân (đại học).

b) Chương trình tích hợp Cử nhân - Kỹ sư/Kiến trúc sư (5 ÷ 5,5 năm), người tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân (đại học) và bằng Kỹ sư/Kiến trúc sư (sau đại học).

c) Chương trình tích hợp Cử nhân - Thạc sĩ (5,5 năm), người tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân (đại học) và bằng Thạc sĩ (sau đại học).

Căn cứ vào kế hoạch cá nhân (học tập/làm việc) sinh viên có thể lựa chọn và đăng ký chương trình phù hợp vào cuối năm thứ 3.

2. Các chương trình chất lượng cao, quốc tế:

2.1. Chương trình đào tạo Liên kết quốc tế với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ:

30 chỉ tiêu, gồm hai ngành:

1) Kỹ thuật xây dựng: 25 chỉ tiêu

2) Khoa học máy tính: 25 chỉ tiêu

Sinh viên học theo chương trình 2+2; Giai đoạn I (2 năm) học tại Trường ĐHXD HN, học phí theo quy định của Trường (60.000.000đ/năm); Giai đoạn II (2 năm) học tại Đại học Mississippi (Hoa Kỳ), học phí theo quy định của Đại học Mississippi (khoảng 20.000USD/năm, đã trừ 6.000USD/năm theo thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Xây dựng Hà Nội với Đại học Mississippi). Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên được nhận bằng của Đại học Mississippi. (Chi tiết xem tại Website <https://tuyensinh.huce.edu.vn/chuong-trinh-dai-hoc-va-du-bi-dai-hoc>)

2.2. Các chương trình hợp tác song phương chuyển tiếp tín chỉ:

Sau khi nhập học, sinh viên có thể lựa chọn tham gia một trong các chương trình chuyển tiếp tín chỉ với các trường Đại học của Anh Quốc, Úc như sau:

Stt	Ngành/ Chuyên ngành	Cấu trúc chuyển tiếp	Trường chuyển tiếp	Nước đào tạo
1	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1+2	Đại học Huddersfield	Anh quốc
2	Kiến trúc	2+2		
3	Kiến trúc Công nghệ	2+2	Đại học Huddersfield	Anh quốc
4	Kinh tế Xây dựng, Quản lý Xây dựng	3+2		
5	Khoa học máy tính	2.5+2	Đại học Deakin	Úc
6	Kỹ thuật môi trường	2+2.5		
7	Kỹ thuật Xây dựng	2+2		
8	Kinh tế xây dựng	3+2		
9	Kinh tế Xây dựng, Quản lý Xây dựng	3+2	Đại học Victoria	Úc
10	Kỹ thuật Xây dựng	3+1		

Sinh viên hoàn thành chương trình chuyển tiếp sẽ được nhận Bằng cử nhân do các trường đối tác cấp (Chi tiết xem tại Website: <https://tuyensinh.huce.edu.vn/chuong-trinh-dai-hoc-va-du-bi-dai-hoc>)

2.3. Các chương trình đào tạo Chất lượng cao PFIEV, Anh ngữ, Pháp ngữ:

Xét tuyển sau khi nhập học vào Trường, gồm có:

2.3.1. Chương trình đào tạo chất lượng cao PFIEV (Kỹ sư tài năng Việt - Pháp):

120 chỉ tiêu

Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Có 04 chuyên ngành:

- Cơ sở Hạ tầng giao thông;
- Kỹ thuật đô thị;
- Kỹ thuật Công trình thủy;
- Vật liệu xây dựng.

Hai năm đầu học theo chương trình chung sau đó phân vào các chuyên ngành.

Chương trình PFIEV được thực hiện theo Nghị định thư ngày 12 tháng 11 năm 1997 giữa Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Pháp; Chương trình được Ủy ban văn bằng kỹ sư Pháp (CTI), Cơ quan kiểm định các chương trình đào tạo kỹ sư Châu Âu (ENAAE) và Bộ GDĐT Việt Nam công nhận tương đương trình độ thạc sĩ.

2.3.2. Các chương trình đào tạo Pháp ngữ - Hợp tác với AUF (Tổ chức đại học Pháp ngữ), gồm có:

- Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (XF): 50 chỉ tiêu;
- Ngành Kiến trúc (KDF): 50 chỉ tiêu.

2.3.3. Các chương trình đào tạo Anh ngữ:

- Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (XE): 100 chỉ tiêu
- Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Chuyên ngành Hệ thống kỹ thuật trong công trình (HKEC): 50 chỉ tiêu
- Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông/ Chuyên ngành Xây dựng Cầu đường (CDE): 50 chỉ tiêu
- Ngành Kỹ thuật Cấp thoát nước/ Chuyên ngành Kỹ thuật nước - Môi trường nước (MNEC): 50 chỉ tiêu
- Ngành Kinh tế xây dựng (KTE): 50 chỉ tiêu
- Ngành Kiến trúc (KDE): 50 chỉ tiêu

V. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ VÀ NHẬN HỒ SƠ TẠI TRƯỜNG

Bộ phận tuyển sinh Đại học, Phòng Truyền thông và Tuyển sinh, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

Địa chỉ: P.304 nhà A1, số 55 Đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024)38 694 711; Hotline: 0869 071 382

Email: tuyensinhdh@huce.edu.vn

Trang Thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.huce.edu.vn/>

Nơi nhận:

- Website Trường, Website tuyển sinh;
- Lưu: VT, TT&TS.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
XÂY DỰNG
HÀ NỘI

PGS.TS Phạm Xuân Anh